

# Đề nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập

ĐÀO THÚY EM\*  
TRẦN VĂN HÙNG\*\*

**Việt Nam đã và đang hội nhập sâu, rộng với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới. Ngoài việc mở ra cơ hội mới thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, hội nhập còn đem đến nhiều cơ hội, nhưng cũng mang lại không ít thách thức với lực lượng lao động của Việt Nam. Do đó, nếu muốn vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội, thì đòi hỏi Việt Nam phải chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực.**

## THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến hết năm 2016, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước ước tính là 54,4 triệu người trong tổng số 92,70 triệu người, tăng 455,6 nghìn người so với năm 2015, trong đó lao động nam chiếm 51,6%; lao động nữ chiếm 48,4%.

### (i) Về cơ cấu lao động theo ngành kinh tế

Tổng số lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2016 là 53,3 triệu người, tăng 451,1 nghìn người so với năm 2015. Theo ngành kinh tế, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 44% năm 2015 xuống còn 41,9% năm 2016. Lao động trong khu vực dịch vụ hầu như không đổi về tỷ trọng, chiếm 33,4% năm 2016 (so với 33,2% năm 2015). Khu vực công nghiệp và xây dựng thu hút lượng lao động nhiều hơn, với tỷ trọng lao động đang làm việc tăng từ 22,8% năm 2015 lên 24,7% năm 2016 (Hình 1).

### (ii) Về cơ cấu lao động theo độ tuổi của Việt Nam

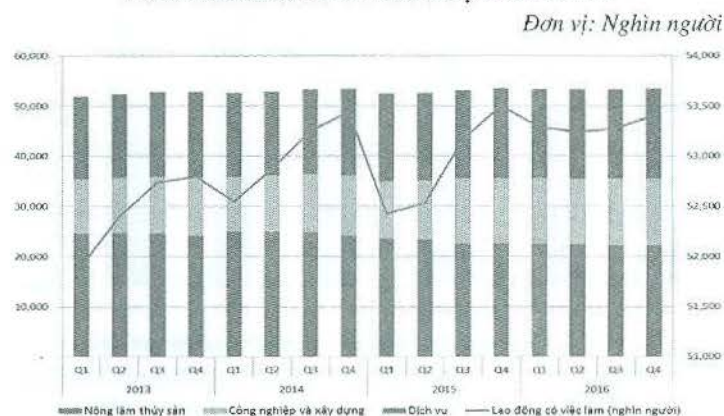
Thực tế, Việt Nam có lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Tính riêng trong giai đoạn 2005-2015, độ tuổi từ 15-49 tuổi chiếm 74,1%; trong đó nhóm tuổi trẻ (15-29 tuổi) chiếm đến 26,7% và nhóm tuổi thanh niên (15-24 tuổi) chiếm 14,8% (Bảng 1). Đây là nhóm tuổi có tiềm năng tiếp thu được những tri thức mới, kỹ năng mới để nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của Việt Nam.

### (iii) Về nhân lực có trình độ chuyên môn

Cũng theo Tổng cục Thống kê, năm 2015, trong tổng số hơn 53,984 triệu người từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của cả nước, chỉ có 7,8 triệu người đã được đào tạo, chiếm 15,5%, vẫn còn có 84,5% số người đang làm việc chưa được đào tạo. Có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ lao động làm việc đã qua đào tạo giữa thành thị và nông thôn (30,9% và 9%). Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo thấp nhất ở hai vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên (tương ứng là 8,6% và 10,8%) và cao nhất tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tỷ trọng lao động đang làm việc có trình độ đại học trở lên khác nhau đáng kể giữa các vùng, Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là những nơi tập trung nhiều nhất lao động đang làm việc có trình độ đại học trở lên (tương ứng là 17,1% và 17,4%). Số liệu tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo cho thấy, chất lượng việc làm của Việt Nam còn thấp, đây là một thách thức lớn của đất

HÌNH 1: LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC THEO NGÀNH KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2013-2016



Nguồn: Tổng cục Thống kê

\* Th.S., Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh | Email: thuyem69@gmail.com

\*\* TS., Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

**BẢNG 1: LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN  
PHÂN THEO NHÓM TUỔI**

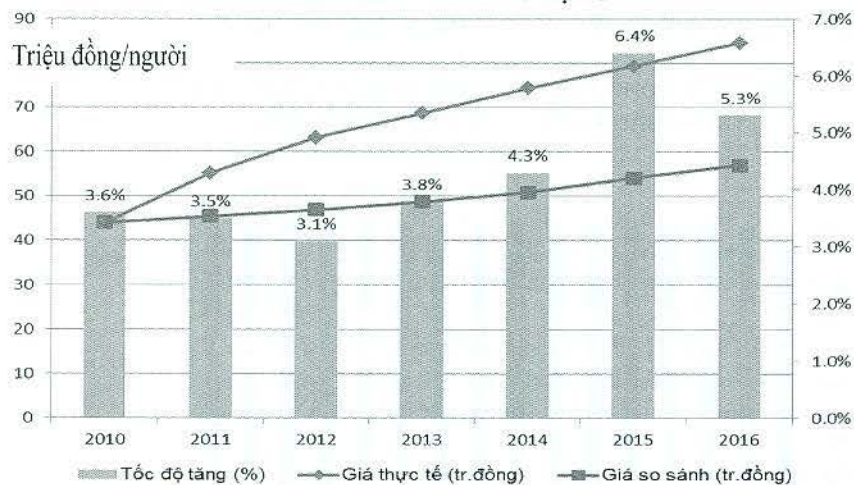
(ĐVT: 1.000 người)

Năm	Độ tuổi			Tổng số
	15-24	25-49	50+	
2005	9.168,0	28.432,5	7.304,0	44.904,5
2006	9.727,4	29.447,7	7.063,6	46.238,7
2007	8.561,8	29.392,1	9.206,4	47.160,3
2008	8.734,3	29.973,4	9.501,9	48.209,6
2009	9.184,7	30.285,1	9.852,2	49.322,0
2010	9.245,4	30.939,2	10.208,3	50.392,9
2011	8.465,2	31.503,4	11.429,8	51.398,4
2012	7.887,8	32.014,5	12.445,7	52.348,0
2013	7.916,1	31.904,5	13.425,0	53.245,6
2014	7.585,2	32.081,0	4.081,8	53.748,0
2015	8.012,4	31.970,3	14.001,5	53.984,2

**BẢNG 2: TỶ LỆ LAO ĐỘNG 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC  
TRONG NỀN KINH TẾ ĐÃ QUA ĐÀO TẠO PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ  
CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT (%)**

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số	14,8	14,6	15,4	16,6	17,9	18,2	19,9
Chưa đào tạo chuyên môn kỹ thuật	..	85,4	84,5	83,4	82,1	81,8	80,1
Dạy nghề	4,8	3,8	4,0	4,7	5,3	4,9	5,0
Trung cấp chuyên nghiệp	2,7	3,4	3,7	3,6	3,7	3,7	3,9
Cao đẳng	1,5	1,7	1,7	1,9	2,0	2,1	2,5
Đại học trở lên	5,5	5,7	6,1	6,4	6,9	7,6	8,5

**HÌNH 2: NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

nước trong quá trình hội nhập. Lao động với chất lượng thấp đồng nghĩa với việc làm không bền vững, việc trả lương thấp và không đáp ứng được xu thế mới, sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất và quản lý. Trình độ

chuyên môn kỹ thuật của lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam hiện nay tương đối thấp (Bảng 2).

Tỷ lệ lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật chỉ chiếm tỷ lệ dao động từ 14,6% (năm 2010) đến 19,9% (năm 2015).

(iv) *Năng suất lao động của Việt Nam*

Năng suất lao động là một trong những yếu tố quan trọng tác động tới năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu, phát triển của khoa học, công nghệ và nền kinh tế tri thức hiện nay. Theo Tổng cục Thống kê, năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2016 đạt 84,5 triệu đồng/lao động, tăng 5,31% so với năm 2015. Theo khu vực kinh tế, năng suất lao động bình quân trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt thấp nhất với 32,9 triệu đồng/lao động; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 112,0 triệu đồng/lao động; khu vực dịch vụ đạt 103,5 triệu đồng/lao động (Hình 2).

Số liệu của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, mặc dù năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua đã có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm, nhưng còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Cụ thể như năm 2015, năng suất lao động của Việt Nam theo giá hiện hành đạt 3.660 USD, chỉ bằng 4,4% của Singapore; 17,4% của Malaysia; 35,2% của Thái Lan; 48,5% của Philippines và 48,8% của Indonesia.

Ngoài ra, lao động Việt Nam được cho là rất hạn chế về ngoại ngữ cùng các kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; nhân sự cao cấp so với các nước trong khu vực vẫn còn khoảng cách khá lớn và đang rất thiếu những nhà quản lý doanh nghiệp Việt tài giỏi đủ sức cạnh tranh tại các thị trường khu vực. Đội ngũ lao động được đào tạo nghề trong những năm qua phần lớn chỉ được chú trọng vào đào tạo chuyên môn cứng, hạn chế khả năng làm việc độc lập trong khu vực kinh tế hội nhập, mà đang cần các kỹ năng toàn diện hơn.

Theo Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2016-2017 được Diễn đàn Kinh tế Thế giới công bố, Việt Nam xếp vị trí 60/138 nền kinh tế, còn 2015 là 56/140 nền kinh tế. Thực tế, những hạn chế, những yếu kém của nguồn nhân lực là một trong những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu của hội nhập, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục triển khai quyết liệt Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khoá XI; Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 09/06/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

*Thứ hai*, đổi mới quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực. Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện về hệ thống bộ máy quản lý nhân lực từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhân lực. Đồng thời, thay đổi cách quản lý về đào tạo, dạy nghề từ Trung ương đến địa phương. Sắp xếp hợp lý hệ thống cấp bậc đào tạo; thực hiện phân cấp quản lý đào tạo giữa bộ, ngành, địa phương; quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, góp phần đẩy nhanh số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập. Ngoài ra, có thể xây dựng và triển khai hàng rào kỹ thuật để hoàn thiện, bảo hộ lao động trong nước, có sự dịch chuyển hợp lý. Đặc biệt, nên xây dựng hệ thống cổng thông tin điện tử để minh bạch và cung cấp thông tin về cung - cầu trên thị trường ở trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, cũng cần hoàn thiện công tác dự báo về nguồn nhân lực.

*Thứ ba*, phải xác định rõ mục tiêu đào tạo để phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh theo nhu cầu về nhân lực từ thực tế của xã hội. Đối với cấp học đại học, học nghề, phải tiến hành thay đổi từ chương trình trình đào tạo, tổ chức tuyển sinh, quản lý hoạt động đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị để đổi mới phương pháp dạy học, gắn dạy lý thuyết với thực hành, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo và kiểm định chất lượng. Đặc biệt, hệ thống giáo dục - đào tạo phải gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, cơ quan quản lý để người lao động sau đào tạo có thể đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

*Thứ tư*, tiến hành thực hiện điều tra, khảo sát thường xuyên về nhân lực và chất lượng nhân lực ở các cấp, ngành, cấp địa phương và cả nước. Từ đó, tổng kết thực tiễn về khả năng đáp ứng thị trường lao động của nguồn nhân lực Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá đúng hiện trạng lao động của từng ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế, chỉ rõ những hạn chế của nguồn nhân lực Việt Nam trên thị trường lao động trong và ngoài nước, các cơ quan quản lý có thể đưa ra những phương án đảm bảo cân đối nguồn cung - cầu nguồn nhân lực để phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước, trong từng cấp, ngành. Thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực trên phạm vi cả nước nhằm đảm bảo phát triển hài hòa và cân đối.

*Thứ năm*, Chính phủ và các cơ quan chức năng cần xây dựng chính sách, biện pháp kết hợp giữa đào tạo và sử dụng lao động trong tổng thể phát triển kinh tế của đất nước. Bảo đảm và huy động nguồn vốn cho phát triển nhân lực, đẩy mạnh xã hội hóa để tăng cường các nguồn vốn cho phát triển nhân lực và chuyển giao công nghệ hiện đại về Việt Nam.

*Thứ sáu*, có chính sách thu hút các giảng viên, nhà khoa học có kinh nghiệm ở trong và ngoài nước tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực ở bậc đại học theo các tiêu chí phù hợp. Trong đó, chú trọng đến các ngành nghề, lĩnh vực mà các quốc gia đang "khát" nhân lực. Đồng thời, xây dựng và thành lập hệ thống kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu của hội nhập. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2016). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016*
2. Chu Thị Nường, Bùi Bảo Ngọc (2014). *AEC ra đời: Việt Nam sẽ trở thành điểm đầu tư lý tưởng hay thị trường tiêu thụ của khu vực*, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Thu Anh (2015). *Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Bối cảnh và kinh nghiệm quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Tổng cục Thống kê (2005-2016). *Niên giám Thống kê các năm đến 2016*, Nxb Thống kê
5. Phạm Văn Khánh (2012). Trọng dụng nhân tài giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới, *Tạp chí Dân số Việt Nam*, số 09 (trang 126)
6. Tạ Thị Đoàn (2016). Nguồn nhân lực Việt Nam trên "đàn tàu" AEC đã được chuyển bánh, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 09, tháng 05/2016
7. An Huy (2016). *Việt Nam giảm 4 bậc năng lực cạnh tranh toàn cầu*, truy cập từ <http://vneconomy.vn/the-gioi/viet-nam-giam-4-bac-nang-luc-cananh-tranh-toan-cau-2016092910299747.htm>